

BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

(3 tiết – SGK trang 116)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Hệ thống dãy số từ 1 tới 100:
Đọc, viết số, nhận biết thứ tự các số trong phạm vi 100.
- So sánh hai số trong phạm vi 100.
Khái quát hoá cách so sánh ba số trong phạm vi 100 (qua ví dụ cụ thể, không yêu cầu HS nói quy tắc).
- Vận dụng thứ tự các số trong dãy số, dự đoán quy luật, hoàn thiện dãy số.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

B. Thiết bị dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Tìm hiểu bảng các số từ 1 đến 100 (SGK 116)

HS **quan sát** bảng, **thảo luận** (nhóm đôi), **nhận biết**:

- Các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn (từ trái sang phải, từ trên xuống dưới).
 - Các số trong cùng một hàng: số bên trái bé hơn số bên phải.
Các số trong cùng một cột: số trên bé hơn số dưới.
- GV có thể dùng hình thức “hỏi nhanh, đáp gọn”, cho HS **so sánh** các cặp số trong cùng một hàng hay cùng một cột.

2. Đọc số

- **Đọc** lần lượt các số **từ bé đến lớn** (từ 1 đến 100)
- **Đọc** lần lượt các số **chẵn từ bé đến lớn** (từ 2 đến 100)

– Đọc các số ở ba cột tô màu:

- **Một**, mười **một**, hai mươi **một**, ..., chín mươi **một**
- **Bốn**, mười **bốn**, hai mươi **bốn**, ..., chín mươi **bốn**
(hay: **Bốn**, mười **bốn**, hai mươi **tư**, ..., chín mươi **tư**)
- **Năm**, mười **lăm**, hai mươi **lăm**, ..., chín mươi **lăm**.

3. Đếm

Dựa vào bảng, HS **đếm thêm** (thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10)
đếm bớt (bớt 1, bớt 10).

Ví dụ:

- Đếm thêm 1
GV chọn số 45
HS đếm từ 45 đến 100
từ 1 đến 45
từ 45 về 1
- Đếm thêm 2 (2, 4, 6, 8, ... hay 1, 3, 5, 7, ...)
- Đếm thêm 5 (5, 10, 15, ...)
- Đếm thêm 10 (7, 17, 27, ...)
- Đếm bớt 10 (97, 87, 77, ...).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

Sửa bài, HS **đọc** dãy số và **nói** dãy số được xếp theo thứ tự nào.

Bài 2:

GV đọc số, HS **viết** số.

Bài 3:

– HS nhóm đôi tìm hiểu bài, **nhận biết**

- Mỗi mảnh giấy là một phần của bảng các số từ 1 đến 100.
- Muốn biết số nào thiếu phải nhớ các số được sắp xếp thế nào (theo hàng? theo cột?).

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm (có nhiều cách lập luận).

Bài 4:

– HS nhóm đôi tìm hiểu bài, **nhận biết**

- Mỗi hàng trong bình có 5 viên kẹo, đếm số kẹo có trong mỗi bình.
- So sánh để nhận ra thêm 2 viên kẹo vào bình 1 thì được bình 2, thêm 2 kẹo vào bình 2 thì được bình 3, ... bình cuối cùng có 41 viên kẹo.

Hoặc: số kẹo trong bình là dãy đếm thêm 2: 31; 33; 35; 37; 39; **41**.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm (có nhiều cách lập luận).

Bài 5:

– Nếu cần, HS lại **nói** câu: “Hả hòng bên nào, bên đó lớn”. Nhắc HS kiểm tra xem viết dấu có đúng không.

– Khi sửa bài, HS **giải thích** cách so sánh.

Với hai bài cột 3, có thể lập luận:

$$90 + 4 \text{ cũng bằng } 4 + 90$$

$$40 + 2 > 40 + 1 \text{ vì “cộng 2 sẽ được kết quả lớn hơn cộng 1”}$$

Bài 6:

Nếu HS sử dụng bảng con, GV có thể hướng dẫn theo trình tự:

– **Xác định** yêu cầu cuối cùng của bài (sắp xếp các số từ lớn đến bé).

– **Viết** dấu phẩy (bảng con) để xác định vị trí ba số sẽ viết

,	,
---	---

– **So sánh** ba số:

- **So sánh số chục: 62, 58, 67**

5 chục bé hơn **6 chục** nên **58 bé nhất**

Viết bảng con

,	, 58
---	------

- **So sánh số đơn vị: 62, 67**

2 bé hơn **7** nên **62 bé hơn 67**

67 lớn nhất

Viết bảng con

67, 62, 58

– **Kiểm tra:** có đúng thứ tự từ lớn đến bé không?

Bài 7:

– HS **quan sát** tranh, **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết:**

Bên trái là hình ảnh **Ba, Ông** và **Cháu**.

Bên phải là **số tuổi** mỗi người (sắp xếp thế nào?).

Cần phải **tìm** xem mỗi người bao nhiêu tuổi.

– Khi sửa bài:

- GV khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

- GV lưu ý HS: Càng già thì tuổi càng lớn.

Không lẫn lộn chiều cao với số tuổi.

Bài 8:

– Tìm hiểu bài

- HS **quan sát** tranh, **nhận biết** tên gọi:

Khinh khí cầu

Xe hơi (xe ô tô)

Thuyền buồm.

- GV giới thiệu:

Đây là một số phương tiện giao thông: đường không, đường bộ, đường thủy.

- HS nhận ra mỗi dãy phương tiện là một dãy số, cần phải tìm số còn thiếu.

– Lưu ý HS, xong một dãy số phải kiểm tra bằng cách đọc lại toàn bộ dãy số xem có phù hợp quy luật.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói tên dãy số (quy luật).

Ví dụ:

- Dãy số tròn chục từ bé đến lớn (dãy số đếm thêm 10)
- Dãy số đếm thêm 2
- Dãy số đếm thêm 5.

CỦNG CỐ TRÒ CHƠI: BẠN LÀ AI ?

Tham khảo: GV có thể ra các lệnh với nội dung về viết, đọc số, thứ tự số, cấu tạo số.

Ví dụ:

- Tôi là số lớn nhất trong bảng các số từ 1 đến 100.
- Tôi là số có hai chữ số giống nhau mà khi đọc có tiếng “lăm”.
- Tôi là số có 7 đơn vị và 2 chục.

...

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

GV nhắc HS về nhà cùng người thân tập đếm thêm, đếm bớt.